

NGHĨ THÊM VỀ CÂU CA ĐẠO XƯA

Phùng Tấn Đông

Ca dao đất Quảng có khá nhiều câu ca “tôn vinh” sự giàu đẹp của vùng đất và con người. Theo “mô-típ” (motif): giới thiệu “địa danh + “có” ... “có”...” kiểu như “*Quảng Nam có lụa Phú Bông, có khoai Trà Đòa có sông Thu Bồn*” hay “địa danh + “có” (hàm nghĩa) + (sản vật /phong cảnh) + đối tượng (ai/anh/cô/bạn... + (đã... thì...)” kiểu “*Điện Bàn gạo trắng nước trong, ai đi đến đó chẳng mong quay về*”... Riêng việc miêu thuật tính cách, tính tình con người đất Quảng, dường như ngoài thành ngữ/hay định ngữ “*Quảng Nam hay cãi*” hoặc những câu hát “giễu” trong hát giao duyên nói về tính chất mạnh mẽ hay yếu đuối của trai gái các làng xóm trong chuyện lưa đôi kiểu “*Trai Cẩm Phô chưa xô đà ngã; Gái Thanh Hà chưa gả đà theo*” (ca dao Hội An) thì số lượng ca dao về tính cách, phẩm chất đặc trưng của con người rất ít. Có lẽ trong gần nửa ngàn năm trước, Hội An là một thương cảng

quốc tế sầm uất, có một quá trình giao lưu buôn bán với thương khách trong nước và ngoài nước lâu dài nên người Phố Hội mới có câu ca - cũng là một “đặc sản” tinh thần do người xứ Quảng (hay các nơi khác) khen tặng và biết đâu cũng là do người nơi đây “tự nhận” (bởi tính võ đoán của văn học dân gian):

“Hội An đất chật (hay “phố chật” -do tính dị bản) người đông

Nhân tình thuần hậu lá bông đủ màu

Đạo từ sông trước xóm sau

Âm Bồn (hay Ông Bồn) ở dưới, Chùa Cầu ở trên”

Trước hết, mở đầu câu ca, tác giả dân gian (hay còn gọi là tác giả “vô danh tính”) đã chỉ sự so sánh có ý nghĩa đối lập/tương phản giữa một bên là “phố/đất chật”, một bên là “người đông”, câu này đồng thời mang hàm nghĩa so sánh tăng cấp kiểu “đã... (mà)

càng”, như vậy câu này được ngụ ý “phố đã chật mà người càng đông”. Như vậy ý “hàm ngôn” của câu tạo ra nơi người nhận thông tin một “kiểu đón đợi” có điều kiện, rằng trong suy nghĩ, người nhận thông tin sẽ xuất hiện câu hỏi “vậy thì sao? ” Nơi đó cảnh quan, con người có lộn xộn, xô bồ, bức bối không?”. Tiếp đến câu trả lời là “nhân tình thuần hậu, lá bông đủ màu”. Vậy hiểu “thuần hậu” theo



Chợ Hội An nửa đầu thế kỷ XX - ảnh Vĩnh Tân

nghĩa nào? Trong bối cảnh của việc “đọc” hiện nay thì mỗi văn bản khi được “người đọc đọc/hay nghe” thì với mỗi một người đọc/nghe đều hiểu nghĩa văn bản mỗi khác nhau dù là văn bản văn học thành văn hay văn học dân gian. Theo nhà biên soạn từ điển Đào Duy Anh thì “thuần” là để chỉ “*rành một thứ không tạp nhạp, đầu đuôi một loại*”, và nghĩa “thuần hậu” là “*thực thà, đầy đặn*”. Trên nghĩa “gốc” của từ “thuần” ta có: “thuần bạch” nghĩa là “*rành sắc trắng tinh*”; “thuần chủng” có nghĩa là “*rất một nòi, không lai tạp*”; thuần thực” nghĩa là “*rành rõi, chín chắn*”; “thuần lý” là “*duy lý chủ nghĩa*” (triết học); “thuần lương” là “*thuần hậu và lương thiện*”; “thuần phong là “*phong tục thuần hậu*”; “thuần tính” là “*tính tình thuần hậu*”; “thuần bác phẩm nhiên” là “*tính ròng với tính tạp nhạp khác nhau, ý nói phân biệt quân tử với tiểu nhân*”... (Đào Duy Anh - *Hán Việt từ điển-Trường Thi xuất bản lần 3, Sài Gòn 1957 tr.442*). Một cách hiểu khác về “thuần hậu” thiên về góc độ xã hội - luật pháp, luật lệ xem “thuần hậu” gần giống với “thuần phục” nghĩa là: con người/ người dân “*ôn hòa, thuận tòng, dễ bảo*” (*Khổng Đức (chủ biên), Long Cương, Đạt Sĩ (cộng sự) - Từ điển Hán Việt hiện đại - Nhà xuất bản Trẻ - 2002 tr. 845*).

“Nhân tình thuần hậu” được hiểu thiên về nhà tự điển học họ Đào hơn trong ý nghĩa “liên văn bản” dưới góc nhìn văn hóa học. Các câu còn lại của bài ca, xét về mặt “hiền ngôn” để chỉ nghĩa phân định về “diên cách”, “địa lý” của một “Phố Hội An” lúc bấy giờ: “*Âm Bồn ở dưới, Chùa Cầu ở trên*”. Mặt “hàm ngôn” thì lại mang ý nghĩa khác, ý nghĩa ấy cũng là để “tăng cấp độ ý nghĩa” của chữ “thuần” - hai câu này như muốn ngụ ý rằng có đi khắp

“sông trước xóm sau”, “*Âm bồn dưới*” hay “*Chùa Cầu trên*” cũng vậy, ở đâu cũng “*rành một thứ không tạp nhạp*” đó là “*thuần hậu nhân tình*”, mọi người Hội An đều có/gìn giữ/biểu hiện nên nếp thuần phong trong lối sống/nếp sống, trong “*nói và làm*” - trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người, giữa người với thiên nhiên và cộng đồng xã hội. Thuần hậu là “*thực thà, trung tín*” trong hoạt động sống, mua bán, trao đổi, trong thực hành văn hóa sống, thực hành văn hóa tâm linh. Trong nghĩa này, không thể phủ nhận trong tính cách, phẩm hạnh của người xưa có ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Công giáo... như tu dưỡng chữ “*tín*” - một trong năm đức lớn (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của mẫu người quân tử của đạo Nho và quan niệm “*vô ngã*”, “*chánh niệm*”, “*chánh ngữ*” hay giới cấm “*không được nói dối*” của đạo Phật và lòng thành thực, trong trắng, vô nhiễm trong nghi thức xưng tội của đạo Chúa. Thuần hậu còn là lòng khoan dung, nhân ái, từ tâm, là sống có trước có sau (thủy chung), “*sống có hậu*”, sống “*phải đạo*” (đạo lý làm người), sống phải “*có người, có ta*” (mà trong lễ phải có người có ta), “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì mà ta không muốn làm cho mình thì không nên làm cho người (khác)). Trong sách Phủ Biên tạp lục, Lê Quý Đôn từng đề cập đến người xứ Quảng/Nam Hà dưới sự cai trị của các Chúa Nguyễn thời Hội An sầm uất các hoạt động thương mại - “*chợ không có hai giá*”. Sự “*trung thực*” của giới thương nhân xứ Quảng mà Hội An là tiêu biểu được giới nghiên cứu văn hóa về sau nhận định là một lựa chọn “*minh triết*”, “*khôn ngoan*” của cư dân bản địa trong hoạt động mua bán - lĩnh vực cần “*uy tín*”, cần giá trị của “*thương hiệu*” về khoản “*mua hàng trả chậm/trả dần*”

hay bán hết hàng mới thanh toán”, “khoản vốn vay dài hạn, thủ tục đáo hạn”, “vay/trả với lãi suất đã giao ước”, kỳ hạn giao hàng, thanh toán; chất lượng hàng hóa; hạn mức sử dụng; quy trình, lịch trình vận chuyển hàng hóa... Trong buôn bán ngoài việc nói thực hàng, thực giá người Hội An có lệ “lưu phúc” - như trong trường hợp lấy tiền bán một món hàng với mức giá thỏa thuận xong, người bán “lưu” lại cho khách mua một “ít tiền” gọi là “lưu phúc” - trong ý nghĩa “lưu lại phúc đức cho con cháu mình nhờ về sau này” - một trong những việc làm của người “ăn ở có hậu” - cụ Đào Duy Anh cho đó là người sống “đầy đặn” hay “dày dặn”...

Trong văn hóa ứng xử thường ngày, người Hội An nói riêng, người Quảng nói chung ngoài việc bận rộn mưu sinh, lo “miếng cơm manh áo” còn là chuyện “phải chuyện không” mà những chuyện “phải, không” ấy xoay quanh chuyện ứng xử với lễ tục vòng đời người là “quan, hôn, tang, tế” (quan là lễ đội mũ cho người nam khi trưởng thành (lễ gia quan); hôn là “hôn nhân”, “hôn sự” (cưới hỏi); tang là tang sự (đám ma) và tế/tế lễ (thờ cúng thần/người quá cố). Người xưa coi trọng việc đến dự lễ đầy tháng, thôi nôi cho em bé - dù thân (trong gia đình, họ tộc), thân hữu hay sơ (hàng xóm, người làng, người trong phố, bạn hàng...). Ngay với lứa tuổi nhi đồng hay thiếu niên, ngày tết có tục “lì xì” (âm Quảng Đông, Hán-Việt là “lợi thị” (lợi thị có nghĩa là “mua may bán đắt”), tục này, ông, bà, cô, bác (người lớn tuổi) “lì xì” cho các cháu bằng tiền được đựng trong phong bao màu đỏ - để tập cho các cháu biết nói “cảm ơn” và “nhớ ông bà, cô bác”. Chuyện hôn sự cũng vậy, ngoài việc dự tiệc hỉ (vui), trao quà cho

đôi trẻ, ai nấy đều cầu chúc cho lứa đôi hạnh phúc, khuyên răn họ gìn giữ hòa khí, sống thuận hòa đến “đầu bạc răng long”. Với việc tang thì “nghĩa tử là nghĩa tận” dù bình sinh người này không ưa thậm chí oán ghét người kia nhưng “chết là hết”, người nào cũng đến dự đám với lòng thương xót, khoan dung và cho dù không quen biết, con cháu được dạy khi ra đường gặp đám tang phải dừng lại, ngả mũ chào tiễn biệt bởi một lẽ - ai cũng có ông bà cha mẹ, rồi cũng có ngày tang sự, rồi cũng được mọi người chào tiễn để người đã mất “ấm lòng” trong cõi quạnh hiu. Còn việc “tế tự” (cúng bái, giỗ, quảy) thì được mọi người xem trọng, coi đó là bổn phận và trách nhiệm với gia đình, gia tộc và cộng đồng nên được mỗi người cũng như mọi người “thực hành văn hóa” quanh năm (lễ tục, lễ lệ, lễ hội...).

Chính do nền tảng ứng xử văn hóa của một cộng đồng quen nếp “thuần hậu” nên con người, sản vật mới phong nhiều, xum xuê hương sắc, mới “lá bông đủ màu”. Câu “nhân tình thuần hậu, lá bông đủ màu” ngoài nghĩa ‘biểu hiện’ thực tế: sự dồi dào hàng hóa, sản vật của một thương cảng, một “chợ phiên quốc tế” của “Hội An Phố” ở thế kỷ 17, 18 còn hàm chứa một nghĩa khác - đó là sự “tôn vinh” lẫn nhau của “phẩm hạnh thuần hậu” bên trong tâm hồn, tính cách và vẻ đẹp phong phú, tinh tế, lảm vẻ thu hút, cuốn hút, hấp dẫn bên ngoài không những của sản vật, cảnh sắc mà cả con người, ở đó mỗi con người đều mang dáng nét, nhân dáng riêng trong cái chung - cái Đẹp. Các nhà nghiên cứu mỹ học cho đó là “sự thống nhất trong đa dạng” tí như hai nàng Kiều bởi “mỗi người mỗi

về”, nhưng “mười phân vẹn mười”
(Nguyễn Du)... ◆

<http://hoianheritage.net>